TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/ 5/2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phượng;
Ông Hà Thanh Phong.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65b/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N**,** sinh năm 1999.
ĐKHK: Khu D, phường P, tỉnh Phú Thọ
Nơi ở hiện tại: Khu D, phường P, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Hà Quang H, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Khu D, phường P, tỉnh Phú Thọ
(Chị N có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày: Chị và anh Hà Quang H kết hôn ngày 13/02/2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là: UBND phường P, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn có được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh H tại khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Từ năm 2022, vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do anh H ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Hà Bảo M, sinh ngày 08/9/2020. Hiện con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Quang H đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như giao cho người thân, niêm yết văn bản…. Mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị M1 là người nhận và cam kết giao lại cho anh H…. Nhưng anh H đều vắng mặt, không đến Toà án làm việc theo triệu tập, nên không có quan điểm trình bày. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, được chính quyền địa phương cung cấp: Chị N và và anh H đều có địa chỉ tại khu dân cư T, phường P, tỉnh Phú Thọ. Anh H làm nghề tự do, không thường xuyên có mặt tại khu dân cư vào giờ hành chính. Khi vợ chồng anh H còn chung sống với nhau chưa bao giờ báo cáo khu đề nghị giải quyết việc gia đình nên khu dân cư không biết có mâu thuẫn không. Qua dư luận khu dân cư được biết, vợ chồng chị N, anh H mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ năm 2024. Về con chung: Vợ chồng chị N, anh H có 01 con chung là cháu Hà Bảo M, sinh năm 2020, hiện sống cùng chị N. Nay chị N xin ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Anh H không đến Tòa án để trình bày quan điểm, không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Xử cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Hà Quang H.

+ Về con chung: Giao con chung là Hà Bảo M, sinh ngày 08/9/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí HNGĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Hà Quang H có nơi cư trú tại khu dân cư T, phường P, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh H, nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là: UBND phường P, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng gia đình anh H tại khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Lời trình bày của chị N và chứng cứ thu thập, xác minh tại khu dân cư xác định: Trong cuộc sống hôn nhân chị N, anh H đã mâu thuẫn do bất đồng quan điển, vợ chồng đã ly thân từ năm 2024. Tòa án đã triệu tập anh H đến làm việc nhiều lần nhưng anh H cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Hà Bảo M, sinh ngày 08/9/2020. Hiện cháu M đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung của anh chị hiện đang sống với chị N. Kể từ khi vợ chồng ly thân năm 2024, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Mặc dù được

triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Toà làm việc, không thể hiện nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung dưới 18 tuổi nên giao cháu M cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt, không có quan điểm về vấn đề này, nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này mà giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí HNGĐ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 207; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Hà Quang H.

Về con chung: Giao cháu Hà Bảo M, sinh ngày 08/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu M đang sống cùng chị N. Anh Hà Quang H không phải cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị N do chị N không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét trong vụ án này.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí HNGĐ sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0007120 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị Thu N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 - Phú Thọ;
- Phòng GĐ,KT,TT vàTHA TAND tỉnh PT;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Thanh